

# PHẦN I: ĐÀO TẠO NGHỀ LÁI XE MÔ TÔ VÀ Ô TÔ

## I. MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO

### 1. Nghề lái xe mô tô hạng A1, A2

#### BIỂU MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 251/QĐ/SHLX&GSGTVTĐB ngày 05/6/2023 của Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh)

TT	Hạng Giấy phép lái xe	Mức thu (đồng)
<b>I</b>	<b>Giá dịch vụ đào tạo lái xe mô tô hạng A1</b>	
1	Đối với người học lần đầu	750.000
2	Đối với người đã có giấy phép lái xe ô tô các hạng	540.000
<b>II</b>	<b>Giá dịch vụ đào tạo lái xe mô tô hạng A2</b>	2.500.000

### 2. 1. Nghề lái xe ô tô

#### BIỂU MỨC THU GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ/SHLX&GSGTVTĐB ngày 25/5/2023 của Trung tâm Sát hạch lái xe và Giám sát giao thông vận tải đường bộ Quảng Ninh)

STT	Hạng giấy phép lái xe	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	Lái xe ô tô hạng B1 (số sàn)	13.000.000	
2	Lái xe ô tô hạng B1 (STĐ)	13.000.000	
3	Lái xe ô tô hạng B2	14.000.000	
4	Lái xe ô tô hạng C	17.500.000	
5	Nâng hạng giấy phép lái xe		
5.1	Nâng từ hạng B2 lên D; hạng C lên E	8.000.000	
5.2	Nâng từ hạng B2 lên C; hạng C lên D; hạng D lên E	7.000.000	
5.3	Nâng từ hạng C, D, E lên FC	7.000.000	

### III. MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH, LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ VÀ Ô TÔ

#### BIỂU MỨC THU PHÍ SÁT HẠCH, LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2 VÀ LÁI XE Ô TÔ HẠNG B1, B2, C, D, E, FC (Áp dụng từ ngày 01/8/2023)

(kèm theo Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Tên phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
<b>I</b>	<b>Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe (quốc gia và quốc tế)</b>	<b>Lần</b>	<b>135.000</b>
<b>II</b>	<b>Phí sát hạch lái xe mô tô (hạng A1, A2)</b>		<b>130.000</b>
1	Sát hạch lý thuyết	Lần	60.000
2	Sát hạch thực hành lái xe trong hình	Lần	70.000
<b>III</b>	<b>Phí sát hạch lái xe ô tô (hạng B1, B2, C, D, E, FC)</b>	<b>Lần</b>	<b>630.000</b>
1	Sát hạch lý thuyết	Lần	100.000
2	Sát hạch thực hành trong hình	Lần	350.000
3	Sát hạch thực hành trên đường giao thông	Lần	80.000
4	Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	Lần	100.000

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE

#### 1. Đào tạo lái xe hạng A1, A2

##### 1.1. Thời gian đào tạo

a) Hạng A1: 12 giờ (lý thuyết: 10, thực hành lái xe: 02);

b) Hạng A2: 32 giờ (lý thuyết: 20, thực hành lái xe: 12);

##### 1.2. Các môn kiểm tra

a) Pháp luật giao thông đường bộ đối với các hạng A2

##### 1.3. Chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

STT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN CÁC MÔN HỌC	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE	
			Hạng A1	Hạng A2
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	8	16

2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	-	-
3	Nghiệp vụ vận tải	giờ	-	-
4	Kỹ thuật lái xe	giờ	2	4
5	Thực hành lái xe	giờ	2	12
	Số giờ học thực hành lái xe/học viên	giờ	2	12
	Số km thực hành lái xe/học viên	km	-	-
	Số học viên/1 xe tập lái	học viên	-	-
6	Số giờ/học viên/khóa đào tạo	giờ	12	32
7	Tổng số giờ một khóa đào tạo	giờ	12	32
<b>THỜI GIAN ĐÀO TẠO</b>				
1	Số ngày thực học	ngày	2	4
2	Số ngày nghỉ lễ, khai bẻ giảng	ngày	-	-
3	Cộng số ngày/khóa học	ngày	2	4

## 2. Đào tạo lái xe hạng ô tô hạng B1, B2, C

### 2.1. Thời gian đào tạo

#### a) Hạng B1:

- Xe số tự động: 476 giờ (lý thuyết: 136, thực hành lái xe: 340);

- Xe số cơ khí (số sàn): 556 giờ (lý thuyết: 136, thực hành lái xe: 420);

b) Hạng B2: 588 giờ (lý thuyết: 168, thực hành lái xe: 420);

c) Hạng C: 920 giờ (lý thuyết: 168, thực hành lái xe: 752).

### 2.2. Các môn kiểm tra

a) Kiểm tra tất cả các môn học trong quá trình học; môn Cấu tạo và Sửa chữa thông thường và môn Nghiệp vụ vận tải đối với hạng B2 học viên có thể tự học nhưng phải được cơ sở đào tạo kiểm tra;

b) Kiểm tra cấp chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo khi kết thúc khóa học gồm: môn Pháp luật giao thông đường bộ theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết; **mô phỏng các tình huống giao thông**; môn Thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường.

### 2.3. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

#### a) Chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			Hạng B1		Hạng B2	Hạng C
			Học xe số tự động	Học xe số cơ khí		
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	90	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	8	18	18
3	Nghiệp vụ vận tải	giờ	-	-	16	16
4	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông.	giờ	14	14	20	20
5	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20	20
6	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4	4
7	Tổng số giờ học thực hành lái xe/01 xe tập lái và trên ca bin học lái xe ô tô	giờ	340	420	420	752
Trong đó	Tổng số giờ học thực hành lái xe/01 xe tập lái	giờ	325	405	405	728
	Tổng số giờ học thực hành trên ca bin học lái xe ô tô (theo số học viên được quy định trên 01 xe tập lái)	giờ	15	15	15	24
	Tổng số giờ học thực hành lái xe của 01 học viên trên xe tập lái và trên ca bin học lái xe ô tô	giờ	68	84	84	94
a)	Số giờ thực hành lái xe/01 học viên	giờ	65	81	81	91
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 học viên	giờ	41	41	41	43
	Số giờ thực hành lái xe trên đường giao thông/01 học viên	giờ	24	40	40	48
b)	Số giờ thực hành trên ca bin học lái xe ô tô/01 học viên	giờ	3	3	3	3
9	Số giờ học/01 học viên/khóa đào tạo	giờ	204	220	252	262
10	Tổng số giờ một khóa đào tạo	giờ	476	556	588	920

b) Tổng thời gian khóa đào tạo

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			Hạng B1			

			Học xe số tự động	Học xe số cơ khí	Hạng B2	Hạng C
1	Ôn và kiểm tra kết thúc khóa học	ngày	3	4	4	4
2	Số ngày thực học	ngày	59,5	69,5	73,5	115
3	Số ngày nghỉ lễ, khai giảng, bế giảng	ngày	14	15	15	21
4	Cộng số ngày/khóa đào tạo	ngày	76,5	88,5	92,5	140

d) Quy định về số km học thực hành lái xe

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE			
			Hạng B1		Hạng B2	Hạng C
			Học xe số tự động	Học xe số cơ khí		
1	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 học viên	km	290	290	290	275
2	Số km thực hành lái xe trên đường giao thông/01 học viên	km	710	810	810	825
Tổng số km thực hành lái xe/01 học viên		km	1000	1100	1100	1100

### 3. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe

#### 3.1. Thời gian đào tạo

- a) Hạng B1 (số tự động) lên B1: 120 giờ (thực hành: 120);
- b) Hạng B1 lên B2: 94 giờ (lý thuyết: 44, thực hành lái xe: 50);
- c) Hạng B2 lên C: 192 giờ (lý thuyết: 48, thực hành lái xe: 144);
- d) Hạng C lên D: 192 giờ (lý thuyết: 48, thực hành lái xe: 144);
- đ) Hạng D lên E: 192 giờ (lý thuyết: 48, thực hành lái xe: 144)
- e) Hạng B2 lên D: 336 giờ (lý thuyết: 56, thực hành lái xe: 280);
- g) Hạng C lên E: 336 giờ (lý thuyết: 56, thực hành lái xe: 280);
- h) Hạng C, D, E lên FC: 272 giờ (lý thuyết: 48, thực hành lái xe: 224).

#### 3.2. Các môn kiểm tra

- a) Kiểm tra các môn học trong quá trình học;
- b) Kiểm tra cấp chứng chỉ đào tạo đối với nâng hạng lên B1, B2, C, D, E khi kết thúc khóa học gồm: môn Pháp luật giao đường bộ theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết; **mô phỏng các tình huống giao thông**; môn Thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Kiểm tra cấp chứng chỉ đào tạo đối với nâng hạng C, D, E lên hạng FC tương ứng khi kết thúc khóa học gồm: môn Pháp luật giao thông đường bộ theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết; **mô phỏng các tình huống giao thông**; môn Thực hành lái xe trong hình và trên đường theo quy trình sát hạch lái xe hạng F.

### 3.3. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

#### a) Chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE							
			B1 (số tự động) lên B1	B1 lên B2	B2 lên C	C lên D	D lên E	C, D, E lên FC	B2 lên D	C lên E
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	-	16	16	16	16	16	20	20
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	-	-	8	8	8	8	8	8
3	Nghiệp vụ vận tải	giờ	-	16	8	8	8	8	8	8
4	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông.	giờ	-	10	14	14	14	14	18	18
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	-	2	2	2	2	2	2	2
6	Tổng số giờ học thực hành lái xe/01 xe tập lái và trên ca bin học lái xe ô tô	giờ	120	50	144	144	144	224	280	280
Trong đó	Tổng số giờ học thực hành lái xe/01 xe tập lái	giờ	115	45	136	136	136	216	270	270
	Tổng số giờ học thực hành trên ca bin học lái xe ô tô (theo số học viên được quy định trên 01 xe tập lái)	giờ	5	5	8	8	8	8	10	10
7	Tổng số giờ học thực hành lái xe của 01 học viên trên xe tập lái và trên ca bin học lái xe ô tô	giờ	24	10	18	18	18	28	28	28

a)	Số giờ thực hành lái xe/01 học viên	giờ	23	9	17	17	17	27	27	27
Trong đó	Số giờ thực hành lái xe trên sân tập lái/01 học viên	giờ	13	4	7	7	7	10	12	12
	Số giờ thực hành lái xe trên đường giao thông/01 học viên	giờ	10	5	10	10	10	17	15	15
b)	Số giờ học thực hành trên ca bin học lái xe ô tô/01 học viên	giờ	1	1	1	1	1	1	1	1
8	Số giờ học/01 học viên/khóa đào tạo	giờ	24	54	66	66	66	76	84	84
9	Tổng số giờ một khóa học	giờ	120	94	192	192	192	272	336	336

b) Tổng thời gian khóa đào tạo

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE							
			B1 (số tự động) lên B1	B1 lên B2	B2 lên C	C lên D	D lên E	C, D, E lên FC	B2 lên D	C lên E
1	Ôn và kiểm tra kết thúc khóa học	ngày	1	2	2	2	2	2	2	2
2	Số ngày thực học	ngày	15	12	24	24	24	34	42	42
3	Số ngày nghỉ lễ, khai giảng, bế giảng	ngày	2	2	4	4	4	4	8	8
4	Số ngày/khóa học	ngày	18	16	30	30	30	40	52	52

d) Quy định về số km học thực hành lái xe

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE							
			B1 (số tự động) lên B1	B1 lên B2	B2 lên C	C lên D	D lên E	C, D, E lên FC	B2 lên D	C lên E

1	Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/01 học viên	km	60	20	30	30	30	40	52	52
2	Số km thực hành lái xe trên đường giao thông/01 học viên	km	280	130	210	210	210	340	328	328
Tổng số km thực hành lái xe/01 học viên		km	340	150	240	240	240	380	380	380

#### IV. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2 và ô tô hạng B1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện, kiểm tra; riêng đối với các hạng B1 phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo.

2. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe các hạng B2, C, D, E và giấy phép lái xe hạng Fc phải được đào tạo tập trung tại cơ sở được phép đào tạo và phải được kiểm tra cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo. Trong thời hạn trên 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo kết thúc kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp khóa đào tạo, nếu không kiểm tra cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới.

#### III. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC LÁI XE

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

2. Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

3. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe hoặc hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:

a) Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

b) Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

c) Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

d) Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

đ) Trường hợp người học nâng hạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.



4. Người học để nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

## **V. HỒ SƠ CỦA NGƯỜI HỌC LÁI XE**

1. Người học lái xe học lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

d) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ như hồ sơ người học lái xe học lần đầu;

b) Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

c) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

## **PHẦN 2: SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ VÀ Ô TÔ**

### **I. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ A1, A2**

#### **1. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2**

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe. Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết.

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2

Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề.

#### **2. Quy trình sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2**

##### **A. QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận máy tính.

1.2. Nhập hạng xe sát hạch, khoá sát hạch, số báo danh dự sát hạch;

1.3. Thí sinh thực hiện phần thi sát hạch

a) Thời gian làm bài : 19 phút

b) Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch có từ 02 đến 04 ý trả lời và chỉ có 01 ý trả lời đúng nhất; trong số các câu hỏi, có 01 câu trả lời sai sẽ bị trừ quyền sát hạch, các câu còn lại, mỗi câu tính là 01 điểm;

c) Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

2. Công nhận kết quả:

- Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: từ 21/25 điểm trở lên;

- Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A2: từ 23/25 điểm trở lên;

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra.

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

##### **B. QUY TRÌNH SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

## 1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao và đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

### 1.2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

#### 1.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

##### a) Bài sát hạch số 1: Đi qua hình số 8

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.
- Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.
- Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.
- Tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch số 2

##### b) Bài sát hạch số 2: Đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua vạch đường thẳng và điều khiển xe đến bài sát hạch số 3.

##### c) Bài sát hạch số 3: Đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường có vạch cản và điều khiển xe đến bài sát hạch số 4.

##### d) Bài sát hạch số 4: Đi qua đường gò ghề

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường gò ghề và điều khiển xe đến vị trí kết thúc.

#### 1.2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

- a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- b) Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;
- c) Bánh xe không được đè lên vạch cản ;
- d) Hoàn thành các bài sát hạch trong thời gian 10 phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.

#### 1.2.3. Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị truất quyền sát hạch;
- b) Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- c) Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- d) Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch, bị truất quyền sát hạch;
- đ) Xe sát hạch bị đổ ụp trong quá trình sát hạch, bị truất quyền sát hạch;
- e) Chạm chân xuống đất ụp trong quá trình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- g) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

h) Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

k) Không hoàn thành bài sát hạch bị truất quyền sát hạch.

l) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.

2. Công nhận kết quả:

- Thời gian thực hiện các bài sát hạch: 10 phút;
- Thang điểm: 100 điểm;
- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

### **C. XÉT CÔNG NHẬN KẾT QUẢ**

1. Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;

2. Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe để được sát hạch lại sau ít nhất 04 ngày kể từ ngày sát hạch không đạt;

3. Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;

4. Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm, kể từ ngày nội dung sát hạch lý thuyết đạt gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy

## **II. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE Ô TÔ**

### **1. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô hạng B1, B2, C, D, E, FC**

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, cấu tạo và sửa chữa thông thường, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B2 trở lên); Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch xử lý các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D và E

Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc.

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng FC

Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.

d) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên.

## 2. Quy trình sát hạch lái xe lái ô tô hạng B1, B2, C, D và E

### I. QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

#### A – Sát hạch trên phần mềm sát hạch lý thuyết

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận máy tính.

1.2. Chọn khoá sát hạch, nhập số báo danh dự sát hạch

1.3. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Đề sát hạch có số lượng và thời gian làm bài như sau:

Nội dung	Hạng B1	Hạng B2	Hạng C	Hạng D, E
Số câu hỏi	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26

b) Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch có từ 02 đến 04 ý trả lời và chỉ có 01 ý trả lời đúng nhất; trong số các câu hỏi, có 01 câu trả lời sai sẽ bị truất quyền sát hạch; mỗi câu trả lời đúng được tính là 01 điểm.

c) Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

2. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B1	Hạng B2	Hạng C	Hạng D, E
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra;

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

## **B – Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông**

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận máy tính

1.2. Chọn khoá sát hạch, nhập số báo danh dự sát hạch.

1.3. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông gồm:

Số câu hỏi: 10 câu.

Thời gian: Theo đề sát hạch thực tế và không quá 10 phút.

b) Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng.

Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

c) 10 tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

2. Công nhận kết quả

Nội dung	Hạng B1, B2, C, D, E
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông được in ra;

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch trên thiết bị mô phỏng trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

## **I. QUY TRÌNH SÁT HẠCH THỰC HÀNH**

### **A - Sát hạch lái xe trong hình:**

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch

1.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình

1.2.1 Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

a) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B1 số tự động, B1, B2: thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch: Ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận.

b) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C, D và E: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;



- Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C và ghép ngang đối với hạng D và E);

- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;

- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;

- Bài sát hạch số 10: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận.

Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C, E, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D; nếu không thực hiện được sẽ bị trừ điểm như quy định tại các bài sát hạch.

Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

### 1.2.2 Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trong hình

#### a) Bài sát hạch số 1: Xuất phát

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát;	1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát; 2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây; 3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát;	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), bị trừ 05 điểm;



<p>3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt);</p> <p>4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt);</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>8. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ quyền sát hạch.</p> <p>7. Lái xe lên vỉa hè bị trừ quyền sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị trừ quyền sát hạch;</p> <p>9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p>
--	--	--

b) Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p>

<p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p> <p>8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	--	---

c) Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm;</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p>

<p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định;</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 50 cm kể từ khi dừng xe, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 1 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
---	---	--

d) Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng<sup>19</sup> giới</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt</p>

<p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>hạn của hình vết bánh xe;</p> <p>3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>bánh xe, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>12. Điểm thi dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	---	---

đ) Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p>	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông;<sup>20</sup></p>	<p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại;</li> <li>- Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi.</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</li> <li>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái;</li> <li>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải;</li> <li>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định;</li> <li>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường;</li> <li>7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</li> <li>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái;</li> <li>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải</li> <li>5. Xe qua ngã tư trong thời thời gian 20 giây;</li> <li>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;</li> <li>7. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</li> <li>8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</li> <li>9. Tốc độ xe chạy không quá: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul> </li> </ol>	<p>ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị trừ 10 điểm;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</li> <li>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</li> <li>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 05 điểm;</li> <li>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 05 điểm;</li> <li>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị truất quyền sát hạch;</li> <li>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị truất quyền sát hạch.</li> <li>8. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</li> <li>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</li> <li>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> </ol>
--	--	--

		<p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>14. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	--	--

e) Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>

		<p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	--	---

g) Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B1 số tự động, B1, B2, D, E);</p> <p>2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ;</p> <p>3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định;</p> <p>4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>3. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:  - 24 km/h đối với hạng B, D  - 20 km/h đối với hạng C, E</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị truất quyền sát hạch;</p> <p>6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p>

		<p>7. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>9. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>13. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	--	--

h) Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (Khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>6. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</li> <li>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</li> <li>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</li> </ul>
--	--	---

k) Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát</p>	<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 05 điểm;</li> <li>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 05 điểm;</li> <li>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 05 điểm;</li> <li>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</li> <li>5. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</li> <li>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</li> <li>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> </ul>

<p>hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 2 phút.</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p>	<p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p>
--	---	---

1) Bài sát hạch: Kết thúc

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 24 km/h đối với hạng B, D</li> <li>- 20 km/h đối với hạng C, E;</li> </ul>	<p>1. Không qua vạch kết thúc, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>3. Lái xe lên vỉa hè bị truất quyền sát hạch;</p> <p>4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.</p> <p>5. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm;</li> <li>b) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> <li>c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</li> </ul>

		<p>d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p>
--	--	---

### 3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B1, B2	Hạng D	Hạng C, E
Thời gian thực hiện (phút)	18	15	20
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra.

Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

#### **B - Sát hạch lái xe trên đường:**

##### 1. Đối với người dự sát hạch

##### 1.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

1.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền và đăng ký với Tổng cục Đường bộ Việt Nam);

##### 1.2.1. Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

Thí sinh thực hiện tối thiểu 04 bài sát hạch lái xe trên đường, gồm:

- a) Bài sát hạch: Xuất phát;
- b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ;
- c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ;
- d) Bài sát hạch: Kết thúc.

Trên quãng đường sát hạch, bài sát hạch "tăng số, tăng tốc độ", "giảm số, giảm tốc độ" có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

##### 1.2.2 Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trên đường

a) Bài sát hạch: Xuất phát

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh;</p> <p>2. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát;</p> <p>3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành;</p> <p>4. Điều khiển tăng số từ số 1 lên số 3 và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát;</p> <p>2. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát;</p> <p>3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;</p> <p>4. Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>9. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Trong khoảng 15 m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>6. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>10. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>11. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị truất quyền sát hạch;</p>

		<p>12. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>13. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị truất quyền sát hạch;</p>
--	--	--

b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để tăng số, tăng tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải tăng lên 01 tay số và tốc độ tăng thêm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không tăng được số, tốc độ bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường</p>

		quy định, bị truất quyền sát hạch;
--	--	------------------------------------

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Yêu cầu đạt được</b>	<b>Các lỗi bị trừ điểm</b>
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để giảm số, giảm tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải giảm xuống 01 tay số và tốc độ giảm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không giảm được số, tốc độ, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị truất quyền sát hạch;</p>

d) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Khi có lệnh kết thúc (tiếng loa trên xe báo lệnh kết thúc), bật đèn xi nhan phải, lái xe sát lề đường bên phải;</p> <p>3. Dừng xe;</p> <p>4. Giảm hết số khi dừng xe</p> <p>5. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải trong khoảng 05 m từ khi có lệnh kết thúc;</p> <p>2. Dừng xe sát lề đường bên phải;</p> <p>3. Khi xe dừng hẳn phải về số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động);</p> <p>4. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>9. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>1. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Khi xe dừng hẳn, không về được số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động), bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không kéo phanh tay khi xe dừng hẳn, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;</p> <p>11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị truất quyền sát hạch;</p>

### **3. Công nhận kết quả:**

- Thang điểm: 100 điểm;
- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;
- Thí sinh ký xác nhận vào phiếu chấm điểm được in từ máy in trên ô tô sát hạch.
- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường được in ra từ hệ thống thiết bị chấm điểm tại trung tâm sát hạch.



### 3. Quy trình sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng Fc

#### I. QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

##### A – Sát hạch trên phần mềm sát hạch lý thuyết

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận máy tính.

1.2. Nhập hạng xe sát hạch, khoá sát hạch, số báo danh dự sát hạch;

1.3. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Đề sát hạch có số lượng và thời gian làm bài như sau:

Thời gian làm bài : 26 phút;

Số câu hỏi: 45 câu.

b) Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch có từ 02 đến 04 ý trả lời và chỉ có 01 ý trả lời đúng nhất; trong số các câu hỏi, có 01 câu trả lời sai sẽ bị truất quyền sát hạch; mỗi câu trả lời đúng được tính là 01 điểm.

c) Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian quy định, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

2. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng FC
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra;

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

##### B – Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tính huống giao thông

1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận máy tính

1.2. Chọn khoá sát hạch, nhập số báo danh dự sát hạch.

1.3. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông gồm:

Số câu hỏi: 10 câu.

Thời gian: Theo đề sát hạch thực tế và không quá 10 phút.

b) Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng.

Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

c) 10 tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

## 2. Công nhận kết quả

Nội dung	Hạng FC
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông được in ra;

- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch trên thiết bị mô phỏng trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

## II. QUY TRÌNH SÁT HẠCH THỰC HÀNH

### A - Sát hạch lái xe trong hình

#### 1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

1.2. Thí sinh thực hiện 02 bài sát hạch

1.2.1 Trình tự và các bước thực hiện:

a) Bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên ;

- Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

b) Bài sát hạch ghép xe vào nơi đỗ

- Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc;
- Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ;
- Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định;
- Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

Cọc chuẩn làm bằng ống thép, gỗ, nhựa ..., cao 1,6m, đường kính tiết diện từ 20mm đến 25mm, sơn hai màu trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0,15m.

Chân đế của cọc chuẩn làm bằng gang, sắt ..., có hình vuông, hình tròn hoặc hình tam giác cân đảm bảo giữ được cọc chuẩn cứng vững.

1.2.2 Yêu cầu đạt được của thí sinh

- a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;
- c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;
- d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- d) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

1.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị truất quyền sát hạch;
- b) Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần bị trừ 10 điểm;
- c) Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 15 điểm;
- d) Đỗ xe không đúng vị trí quy định, bị trừ 05 điểm;
- đ) Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (Khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị truất quyền sát hạch;
- e) Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;
- g) Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị truất quyền sát hạch;
- h) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- k) Không hoàn thành bài sát hạch bị truất quyền sát hạch.
- l) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị truất quyền sát hạch.

2. Công nhận kết quả:

- Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch : 05 phút;
- Thang điểm: 100 điểm;
- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

- Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình (theo mẫu tại Phụ lục 4).

## **B - Sát hạch lái xe trên đường:**

### 1. Đối với người dự sát hạch

1.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

1.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

1.2.1 Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền và đăng ký với Tổng cục Đường bộ Việt Nam);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

1.2.2 Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;

h) Giảm hết số khi dừng xe;

k) Dừng xe đúng vị trí quy định;

l) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

36

1.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;
- b) Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- c) Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;
- d) Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;
- đ) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;
- e) Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- g) Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;
- h) Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;
- k) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- l) Thí sinh bị truất quyền sát hạch khi:
- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
  - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
  - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định;
- m) Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;
- n) Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- p) Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- q) Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;

## **2. Công nhận kết quả:**

- Thang điểm: 20 điểm;
- Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên;
- Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường (theo mẫu tại Phụ lục 5).
- Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.